TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Nga.

2. Bà Lê Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Đổi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc: Yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị BH (Tên gọi khác: Nguyễn Thị H), sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Số nhà 75, đường Nguyễn Thế LH, tổ dân phố 2, thị trấn KH, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn HT, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: Số nhà 75, đường Nguyễn Thế Lịch, tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/10/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị BH trình bày như sau: Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn HT tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/1977 tại Uỷ ban nhân dân xã HN, huyện QN, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên chửi mắng, xúc phạm nhau; ông HT

thường xuyên uống rượu, chơi lô đề, đánh đập bà H nhiều lần và đuổi ra khỏi nhà; do đánh đập có lần bà H phải điều trị tại Trung tâm y tế huyện N; ông HT không chăm lo cuộc sống của vợ chồng mỗi người có cuộc sống riêng; cũng từ năm 1994 đến nay bà H và ông HT ăn riêng mỗi người tự lo liệu cho mình, không quan tâm cho nhau. Bà H không còn tình cảm, tình yêu ông HT nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn HT.

Về con chung: Bà H trình bày vợ chồng có 05 người con chung tên là: Nguyễn Thị Kim Anh, sinh ngày: 20/2/1977; Nguyễn Thị Hồng Thuận, sinh ngày: 02/11/1981; Nguyễn Thị Hồng Thảo, sinh ngày: 18/9/1990; Nguyễn Thị Tiểu Đông, sinh ngày: 11/11/1992; Nguyễn Tấn Đạt, sinh ngày: 19/9/1995. Các con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà H đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy công nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh, bản sao Giấy Chứng minh nhân dân của của các người con; Bản sao sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Nguyễn Thị BH; Biên bản giao nhận đơn khởi kiện; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 000673, ngày 05/10/2018.

Bị đơn ông Nguyễn HT trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị BH yêu thương nhau tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/1977 tại Uỷ ban nhân dân xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 1994 đến nay ông và bà H ăn riêng mỗi người tự lo cuộc sống cho mình; bà H nhiều lần tự ý bỏ nhà đi, đi đâu làm gì ông không biết, ông HT cũng xác định vợ chồng không có cuộc sống chung, mỗi người tự lo liệu, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Ông HT không đồng ý ly hôn, yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Ông HT trình bày vợ chồng có 05 người con chung tên là: Nguyễn Thị KA, sinh ngày: 20/2/1977; Nguyễn Thị HT, sinh ngày: 02/11/1981; Nguyễn Thị HTA, sinh ngày: 18/9/1990; Nguyễn Thị TĐ, sinh ngày: 11/11/1992; Nguyễn T, sinh ngày: 19/9/1995. Các con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông HT không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông HT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình nên Toà án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng về giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị BH; bà Nguyễn Thị BH được ly hôn ông Nguyễn HT; Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Nguyễn Thị BH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, thấy rằng:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị BH và ông Nguyễn HT tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/1977 tại Uỷ ban nhân dân xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà H và ông HT là quan hệ hôn nhân hợp pháp; xét quá trình hôn nhân giữa bà H và ông HT. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, hai người thường xuyên chửi mắng, xúc phạm nhau. Ông HT thường xuyên uống rượu, chơi lô đề, đánh đập bà Hoà; cuộc sống mỗi người tự lo liệu nên từ năm 1994 đến nay là 24 năm hai người ăn riêng, cuộc sống mỗi người tự lo liệu, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Từ mâu thuẫn nói trên làm cho hôn nhân của bà Nguyễn Thị BH và ông Nguyễn HT lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị BH được ly hôn ông Nguyễn HT.

Đối với yêu cầu xin đoàn tụ vợ chồng của ông Nguyễn HT. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài là không có cơ sở nên hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà H và ông HT trình bày vợ chồng có 05 người con chung tên là: Nguyễn Thị KA, sinh ngày: 20/2/1977; Nguyễn Thị HT, sinh ngày: 02/11/1981; Nguyễn Thị HT, sinh ngày: 18/9/1990; Nguyễn Thị TĐ, sinh ngày: 11/11/1992; Nguyễn T, sinh ngày: 19/9/1995. Các con đã trưởng thành trên 18 tuổi bà H và ông HT không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông HT không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị BH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị BH (tên gọi khác Nguyễn Thị H). Bà Nguyễn Thị BH được ly hôn ông Nguyễn HT.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bà Nguyễn Thị BH phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2011/000673 ngày 05/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà H đã nộp đủ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã HN, huyện QN, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Nam